



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Duc Tien
Last Middle First

Current Address: 52B/23 Khom 1, Tam Hiep, Ben Hoa, Dong Nai

Date of Birth: 1947 Place of Birth: Nam Dinh

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 04/30/75 To 04/22/81
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>Vu Cao Tuan</u>	<u>Uncle</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Due Tien
Last Middle First

Current Address: 52 B/ 23 Khone 1, Tam Hiep, Ben Hoa, Tay Nai

Date of Birth: 08/28/47 Place of Birth: Nam Dinh

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 04/30/75 To 04/22/81
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Vo Cao Thanh

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Biển Hoa ngày 05 tháng 5 năm 1989.

Kính thưa Bà Hội trưởng.
cùng quý hội.

Gia đình chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Bà và của quý hội gửi về việc năm cho chúng tôi ngày hôm nay - chúng tôi trân trọng ghi nhận sự quan tâm ưu ái với tất cả tấm lòng chân thành biết ơn.

Thưa bà.

biết thư lần trước tôi gửi đến quý hội trong sự e dè không chắc chắn quý vị sẽ nhận được - nên tôi đã không đính kèm theo hồ sơ cá nhân mà tôi hiện còn giữ được.

Hôm nay được tin trở lại thực tập, nên tôi mạnh dạn gửi đến bà Hội trưởng cùng quý hội tất cả hồ sơ cá nhân của tôi - vẫn mong được bà cùng quý vị tận tình giúp đỡ.

Tất cả những hồ sơ này tôi đã nhét vào gói đi - nay đến nay vẫn chưa có được kết quả gì - trong đó có:

- 1 lần gửi sang học kỳ theo địa chỉ của người em ruột - nay đã nhận trong tháng 10/1988 - dù như liệt kê ở trên thì thực theo như lời ông ta nói - nay chưa có kết quả gì lại cho tôi - địa chỉ của em ruột: Ô. Bà Võ, Cáo, Tuấn.

- 1 lần cũng toàn bộ hồ sơ gửi cho Tổ công tác Việt Nam -
6. Chu Văn An Hà Nội.

- tháng 11/1988 tôi lại gửi toàn bộ hồ sơ cho ODP Bangkok Thailand

Vậy nay tôi gửi tập hồ sơ này sang quý hội - Chính nguyên bà Hội trưởng cũng quý vị đang có trách nhiệm can thiệp giúp đỡ tôi có được thư gửi được - về phía Việt Nam tôi đã đăng ký xong thủ tục - và còn đang chờ kết quả phía Hoa Kỳ để bổ túc thêm hồ sơ.

Hy vọng vào sự quan tâm giúp đỡ của bà Hội trưởng cùng quý vị. Tôi rất mong được hội âm sớm.

Xin chân thành kính chúc bà Hội trưởng cùng quý vị được sức khỏe dồi dào - gặp hái được nhiều thành công thắng lợi trong công việc tự nhiên đáng nhân đạo của cả mà quý vị đang quyết tâm thực hiện.

Trân trọng.

Mon
Nguyễn Đức Biên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu số: 001-TT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Ấn hành theo công
===== văn số: 2565 ngày
21/ năm 1972

G T A Y R A T R A T

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : NGUYỄN ĐỨC TIẾN

Họ và tên thường gọi :

Họ và tên bí danh :

Sinh ngày :Tháng năm 1947. .

Nơi sinh : Nam Định

Nơi đăng ký phân khẩu thường trú trước khi bị bắt : 5/19/K3
Ấp Minh Tân Biên Hòa Đồng Nai .

Cán tội : : Trung úy Đại đội trưởng

Bị bắt ngày : 30/4/1975 , án phạt : TTCT

Theo quyết định án văn số : _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
Của :

Đã bị täng án : _____ lần _____ Cộng thành _____ ngày _____ thá
Năm ...

Đã được giảm án : _____ lần _____ cộng thành _____ ngày tháng _____

Nay về cư trú tại : 5/19 K3 Ấp Minh Tân Biên hòa Đồng Nai

NHÂN YẾT QUẢ TRÌNH CẢI TẠO

Họ tên chủ ký
Người được cấp giấy
(ký tên)

/)/gày 22 tháng 4 Năm 1981
Giám Thị
(đã đóng dấu và ký tên)

SÃO Y BÂN CHINH

NGUYỄN ĐỨC TIẾN

ĐỖ NGỌC DƯƠNG

SECRET

1000000	2
1000000	23
1000000	17
1000000	8

Thomas W. S. S.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu số: 001-II
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Ấn hành theo công
văn số: 2565 ngày
21/ năm 1972

G T A Y R A T R A I

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIET NAM *

I./ Basic information on applicant in VN*

- FULL name : NGUYỄN ĐỨC TIẾN
- Date and place of birth : 28.08.1947
- Position : Đại đội trưởng
- Rank : trung úy
- Serial No : 67/804266
- Military Unit : Đại đội 2 Tiểu đoàn 32 Liên đoàn 7 Biệt động quân.
- + Months/Years of arrest : 30/4.75
- + Months/years out of Camp : 22.04.81
- Present mailing address of Ex-PP : 52 B/23 khóm 1 Tam hiệp Biên hoà Đồng nai Việt nam *

II./ List of DOB - POB of EX-PP 's Relatives to accompany with Ex-PP to be considered

<u>NAMES</u>	<u>DOB</u>	<u>POB</u>	<u>Sex</u>	<u>Married</u>	<u>Single</u>	<u>Relationships</u>
1. Đặng thị Bé	1952	Nam-định	nữ	X		vợ
2. Ngô-thị Đoàn Trang	1973	Biên hoà	nữ		X	con
3. Ngô-thị-Quế-Châu	1974	Biên hoà	nữ		X	con
4. Ngô-đặng-thị-thanh Xuân	1982	Biên hoà	nữ		X	con
5. Ngô-thị-Thủy-Tiên	1985	Biên hoà	nữ		X	con

Complete Family Listing (Living/deat) of EX-PP *

- Father : Nguyễn văn Triệu 1917 - Nam định Sống
- Mother : Vũ thị Đức 1917 - Nam định Sống
- Wife : Đặng thị Bé 1952 sống
- Children : - Nguyễn thị Đoàn Trang
- Nguyễn thị quế Châu
- Nguyễn đặng thị thanh xuân
- Nguyễn thị thủy Tiên
- Siblings : - Nguyễn thị thanh Hương 1940 Nam-Định
- Nguyễn thị kim Hoa 1949 Nam định
- Nguyễn thị Hồng Liên 1953 Nam-Định
- Nguyễn thị Huệ 1955 Biên hoà
- Nguyễn khắc Chính 1960 Biên hoà

III./ Relatives outside of VN*

a) Closet Relatives in US: Cậu ruột : Ông bà VŨ CAO TUẤN

b) Closet relatives in other Countries : 1 Chú rể ruột Ông bà: TRẦN VĂN HUYNH
Luttichen STR 107-5100- Aachen wes Germany *

2/ Em ruột : Nguyễn thị Hồng Liên

23 Hawkins road 2775 Singapore *

IV./ Have you submitted the Application for family reunification until now ?

Have you ? yes/no 1/ sang Hoa kỳ 01.10.1987 gửi cho cậu ruột làm thủ tục
2/ Tổ công Tác Việt nam - 6 chu Văn An Hà Nội
1- OPP- Bangkok Thailand.
tháng 11- 1988.

Reply from Bangkok CDF (LOI) ~~yes~~/no I./ Sang Bangkok 16/II/88 .

V. ~~Comments~~ Remarks :

- 1.- Xin được cấp tờ LOI
- 2.- liên lạc được với cố vấn trường MC CLAIN (nếu có thể được)

VI./ Listing of documents attached to the Questionnaire :

- 1.- Birth certifiointes of all family - (mỗi người 2 bản có hình)
- 2.- Photo copy of felesseed certificete . *chính*
- 3.- 2 thông hành công vụ (photo)
- 4.- 1 sự vụ lệnh theo học tại tagce warfare school Malaysia *chính thức*
- 5.- 2 bản gia hạn quân chế lần cuối cùng (photo)
- 6.- 1 tấm hình chụp lúc đang hành quân với cố vấn trường (chụp lại)
- 7.- 1 hình toàn bộ gia đình :
8. 2 photos hồ khẩu
9. 2 thông tin khác *chính thức*

Date 8.05.1989.

(Signature)



Nguyễn Đức Tiến

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIET NAM *

I./ Basic information on applicant in VN*

- FULL name : NGUYỄN ĐỨC TIẾN
- Date and place of birth : 2.01.1947
- Position : Đại đội trưởng
- Rank : trung úy
- Serial No : 67/804266
- Military Unit : Đại đội 2 Tiểu đoàn 32 Liên đoàn 7 Biệt động quân
- + Months/Years of arrest : 30.1.75
- + Months/years cut of Camp : 22.01.81
- Present mailing address of Ex-PP : 52 B/23 khóm 1 Tam hiệp Biên hoà Đồng nai Việt nam *

II./ List of DOB - POB of EX-PP's Relatives to accompany with Ex-PP to be considered

<u>NAMES</u>	<u>DOB</u>	<u>POB</u>	<u>Sex</u>	<u>Married</u>	<u>Single</u>	<u>Relationships</u>
1. Đặng thị Bé	1952	Nam-định	nữ	X		vợ
2. Ngô-thị Đoan Trang	1973	Biên hoà	nữ		X	con
3. Ngô-thị-Quế-Châu	1974	Biên hoà	nữ		X	con
4. Ngô-đặng-thị-thanh Xuân	1972	Biên hoà	nữ		X	con
5. Ngô-thị-Thủy-Tiên	1975	Biên hoà	nữ		X	con

Complete family Listing (Living/deat) of EX-PP *

- Father : Nguyễn văn Triệu 1917 - Nam định Sống
- Mother : Vũ thị Cúc 1917 - Nam định Sống
- Wife : Đặng thị Bé 1952 sống
- Children : - Nguyễn thị Đoan Trang
- Nguyễn thị quế Châu
- Nguyễn đoan thị thanh xuân
- Nguyễn thị thủy Tiên

- Siblings :**
- Nguyễn thị thanh Hương 1940 Nam-Định
 - Nguyễn thị kim Hoa 1949 Nam định
 - Nguyễn thị Hồng Liên 1953 Nam-Định
 - Nguyễn thị Huệ 1955 Biên hoà
 - Nguyễn khác Chính 1960 Biên hoà

III./ Relatives outside of VN*

a) Closet Relatives in US: Cậu ruột : Ông bà VŨ CAO TUẤN

b) Closet relatives in other Countries : 1 Chú dỉ ruột Ông bà: TRẦN VĂN HUYNH
Luttichen STR 197-5100- Aachen west Germany *

2/ Em ruột : Nguyễn thị Hồng Liên

23 Hawkins road 2775 Singapore *

IV./ Have you submitted the Application for family reunification until now ?

Have you ? yes/no 1/ sang Hoa kỳ 01.10.1987 gởi cho cậu ruột làm thủ tục *

1- Hồ Công tác Việt nam - 6 khu vực Hà Nội.
1- ODP Bangkok Thailand
tháng 11-1988.

Reply from Bangkok EDF (LOI) yoo/no I*/ Sang Bangkok 16/II/81 *

V. ~~Comments~~ Remarks :

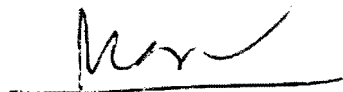
- 1.- Xin được cấp tờ LOI
- 2.- liên lạc được với cố vấn trường MC CLAIM (nếu có thể được)

VI./ Listing of documents attached to the Questionnaire *

- 1.- Birth certificates of all family (mỗi người 2 bản có hình)
- 2.- Photo copy of released certificates * *chính*
- 3.- 2 thông hành công vụ (photo)
- 4.- 1 sự vụ lệnh theo học tại *Joint warfare school Malaysia* (2 bản)
- 5.- 2 bản gia hạn quân chỉ lần cuối cùng (photo)
- 6.- 1 tấm hình chụp lúc đang hành quân với cố vấn trường (chụp lại)
- 7.- 1 hình toàn bộ gia đình *
8. *2 bản sao hồ khẩu*
9. *2 bản sao công việc*

Date 8-05-1989

(Signature)



Nguyễn Đức Trí



BIÊN HÒA, ngày 23 tháng 8 năm 1986

QUYẾT ĐỊNH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Quyết định 01/QĐBNV. Quyết định 75 ngày 10-3-75 của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Sắc lệnh số 175/SL ngày 1-8-1953 của Hội đồng Chính phủ quy định quyền hạn nhiệm vụ của UBND Thành phố, Quận, Huyện.

Căn cứ chính sách 12 điểm của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những người làm việc trong quân đội, chính quyền và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ theo văn bản ban hành số 02 CS 75 ngày 25-5-76.

Căn cứ nghị định 298/TTC ngày 18-08-1953 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Biên bản Xét duyệt của Hội đồng Xét duyệt phường xã Tam Hiệp ngày 23 tháng 8 năm 86

Theo đề nghị của Ông Trưởng Công an Thành phố Biên Hòa. Xét nàihi vi hoạt động, thái độ kết quả trong quá trình cải tạo của Đối tượng.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1 : Nay gia hạn quản chế thời gian 06 tháng

Họ và tên Nguyễn Hữu Triết Năm sinh 1947

Sinh quán Xã Nam Ninh

Trú quán 52/23 Khu 1 Tam Hiệp

Cấp bậc chức vụ cũ Trung úy Đại đội trưởng

ĐIỀU 2 : Ông Chánh Văn phòng UBND Thành phố Biên Hòa

Ông Trưởng Công an Thành phố Biên Hòa

Ông Triết chiếu theo trách nhiệm thi hành Quyết định này.

ĐIỀU 3 : Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

SÁO 8 BẮN CHÍNH

BIÊN HÒA NGÀY 6/8/86

CÔNG CHỨNG VIỆN



Nguyễn Văn Lưu

QUYẾT ĐỊNH
TỔNG AN
SỐ THỦ TỰ
THỦ LỆ PHỦ



TH. UBND TP. BIÊN HÒA

KÝ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Trần Công Khương



BIÊN HÒA, ngày 08 tháng 8 năm 1986

QUYẾT ĐỊNH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Quyết định 01/QĐBNV. Quyết định 75 ngày 10-3-75 của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Sắc lệnh số 175/SL ngày 1-8-1953 của Hội đồng Chính phủ quy định quyền hạn nhiệm vụ của UBND Thành phố, Quận, Huyện.

Căn cứ chính sách 12 điểm của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những người làm việc trong quân đội, chính quyền và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ theo văn bản ban hành số 02 CS 75 ngày 25-5-76.

Căn cứ nghị định 298/T.T.G ngày 18-08-1953 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Biên bản Xét duyệt của Hội đồng Xét duyệt phường xã Tam Hiệp ngày 24 tháng 4 năm 86.

Theo đề nghị của Ông Trưởng Công an Thành phố Biên Hòa. Xét nòng vi hoạt động, thái độ kết quả trong quá trình cải tạo của Đối tượng.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1 : Nay gia hạn quản chế thời gian 06 tháng

Họ và tên Nguyễn Đức Epich Năm sinh 1947

Sinh quán Hà Nam Ninh

Trú quán 52/23 Khóm 6 Tam Hiệp

Cấp bậc chức vụ cũ Trung úy Biệt Động Quân

ĐIỀU 2 : Ông Chánh Văn phòng UBND Thành phố Biên Hòa

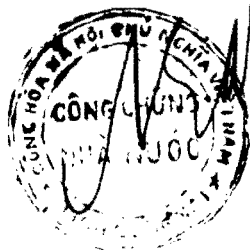
SÀO Y BẢN CHÍNH

Ông Trưởng Công an Thành phố Biên Hòa

BIÊN HÒA ngày 6/5/86 Ông Epich chiếu theo trách nhiệm thi hành Quyết định này.

ÔNG CHỨNG VIỆC

ĐIỀU 3 : Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.



Phụ tá Văn Lâm

STEN SS 2
LƯU TRẠNG SS 218
SỐ THƯ TỰ 1
HUYỆP PHÍ 51

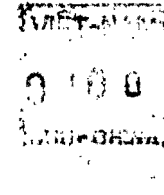
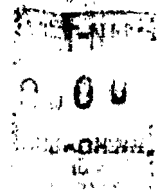


TP. BIÊN HÒA
K/T CHỦ TỊCH
HỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

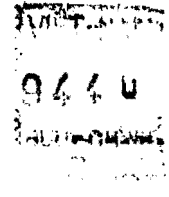
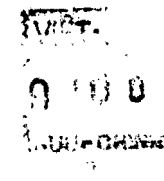
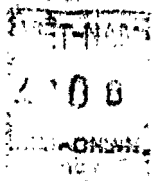
nam Cường Khương

From: Nguyễn Đức Giàu

520/22 Khối I Tam Hiệp Biên Hòa
Đồng Nai - Vietnam



9607



To: Bà Hồ Trông : KHUẾ MINH THO

Po box 5435

Arlington, VA 22205-0635

U.S.A.



MAY



.. Captain Mc CLAIN

advisory team of B32 USF.
15th Group VN

Thiên ngôn camp Tây Ninh Province
(1969 - 1970)

(bản chụp lại)

- Chụp tại cầu CẦN ĐĂNG - 1969 -
trong mùa Hè mưa cuối trại
học lương thực bột thiên ngôn
 - Nguyên được trước chỉ huy phó
trại Lữ Lương thực bột thiên ngôn
-



Nguyễn - Đức - Triết

Và gia đình - học tại nhà

5/2/2020 Nhóm I Tâm tính

Phân hóa ứng xử VN

21 + 00 N/A, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100

23/11/89

THÔNG - HÀNH CÔNG - VỤ

OFFICIAL PASSPORT

Số 11.423 / THTT

No 11.423 / THTT

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

REPUBLIC OF VIET-NAM

TỔNG - TRƯỞNG NGOẠI - GIAO
THE MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS

yêu cầu các văn và võ quan có phận - sự duy trì trật tự trên
requires all civil and military authorities in charge of
thờ VIỆT-NAM và nhà chức - trách được ủy - thác nhiệm - vụ
maintaining order in VIETNAM and requests the authorities invested
- trợ trong các nước Đồng-Minh và thân-hữu để Thiếu úy
same duty in Allied or Friendly countries to let pass freely
Đã Lt NGUYỄN - ĐỨC - TIẾN

Sinh ngày Aug. 25 tại 1942 at NAM DINH
Born on in

tự - do thông - hành, và khi cần đến, giúp đỡ và bảo vệ
to afford assistance and protection to the above named person in
ng-sự.
of need.

Saigon, ngày 26 tháng 2 năm 1971

T. D. N. TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI GIAO

For The Minister of Foreign Affairs

The Director of Consular Affairs

Deputy Director

Đinh

Thông-hành này có giá-trị tại các nước sau đây :

This passport is valid for the following countries:

MALAYSIA VIA SINGAPORE

Có giá trị đến: MAY 18, 1971

Valid until :

Ảnh của đương sự
Photograph of bearer

Chữ ký của đương sự
Signature of bearer



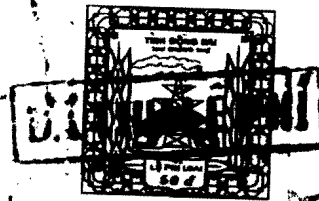
SAO Y BẢN CHÍNH

BIÊN HÓA NGÀY 6.5.1971

DÔNG ĐƯƠNG VIÊN



Thủy Văn Lưu



QUY ĐỊNH: 2
LƯU NHỮNG: 918
SỐ TỰ: 8

VISAS

OFFICIAL

SINGLE ENTRY VISA

Visa No. 102/71 Date FEB 27 1971

ISSUED AT THE MALAYSIA EMBASSY,
SAIGON

Good for a single journey to Malaysia
within 2 months hereof, provided this
passport remains so long valid.

SHORT VISIT

Third Secretary (Consular)



GRATIS

(9/3/71)

To Report to Immigration Office

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
REPUBLIC OF VIỆT-NAM

THÔNG-HÀNH CÔNG-VỤ
OFFICIAL PASSPORT

THÔNG - HÀNH CÔNG - VỤ

OFFICE PASSPORT

Số 11.423/THTT

No 11.423/THTT

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

REPUBLIC OF VIET-NAM

TỔNG - TRƯỞNG NGOẠI - GIAO

THE MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS

yêu cầu các văn và võ quan có phận-sự duy trì trật tự trên
requires all civil and military authorities in charge of
thờ VIỆT-NAM và nhà chức-trách được ủy-thác nhiệm-vụ
in order in VIETNAM and requests the authorities invested

trợ trong các nước Đồng-Minh và thân-hữu để Thiệu uy
same duty in Allied or Friendly countries to let pass freely
and Lt NGUYỄN-ĐỨC-TIẾN

Sinh ngày 26 tại 1942 ở NAM ĐỊNH
Born on in 1942 at NAM DINH

để tự-do thông-hành, và khi cần đến, giúp đỡ và bảo vệ
to afford assistance and protection to the above named person in
g-sự.
of need.

Saigon, ngày 26 tháng 2 năm 1971

T. U. N. TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO

For The Minister of Foreign Affairs

The Director of Consular Affairs

Deputy Director

Đinh

ĐINH TRINH

Thông-hành này có giá-trị tại các nước sau đây :

This passport is valid for the following countries:

MALAYSIA VIA SINGAPORE

Có giá trị đến: MAY 18, 1971

Valid until:

Ảnh của đương sự

Photograph of bearer

Chữ ký của đương sự

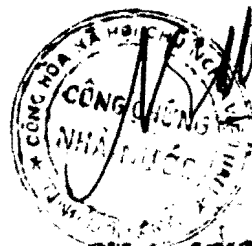
Signature of bearer



SÁO Y BẢN CHÍNH

BIÊN HÓA Ngày 6/5/71

CÔNG CHỨNG VIỆN



Nguyễn Văn Linh

LƯU TRẠNG

218

VISAS

OFFICIAL

SINGLE ENTRY VISA

Visa No. 10.27/71. Date FEB 27 1971

ISSUED AT THE MALAYSIA EMBASSY,
SAIGON

Good for a single journey to Malaysia
within 2 months hereof, provided this
passport remains so long valid.

SHORT VISIT



Third Secretary (Consular)

GRATIS

(9/2/71)

To Report to the Immigration Office

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
REPUBLIC OF VIỆT-NAM

THÔNG-HÀNH CÔNG-VỤ
OFFICIAL PASSPORT

TRINH

CÔNG AN ĐỒNG NAI

P. QLN.N.N và XNC

SS 147/BH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Ông. Bà Nguyễn Văn Uên sinh năm 1947

Địa chỉ 52/1/93 Đ. Hoà 1

Xã Tam Hiệp Huyện Biển Đông

Có nộp thủ tục hồ sơ xin đăng ký xuất cảnh.

Số người Giúp

MOI Mỹ 1 diện H. Tây

Đồng Nai, ngày 14 tháng 10 năm 1987

CÔNG AN ĐỒNG NAI

P. Q.L.N.N.N. và X.N.C.

Người nhận hồ sơ

/// Ứ Ứ Ứ Ứ Ứ

MISSION ORDER

VIET-NAM CONG-HOA
REPUBLIC OF VIETNAM
BO QUOC-PHONG
MINISTRY OF DEFENSE
So : 0118/QP/TOTT/HO.IA/E

Tổng-Trưởng Quốc-Phòng cho phép : BCS Sĩ-quan có tên sau :

The Secretary of State for National Defense authorizes

- 1/- Trung-Tá TRINH-VAN-BE Sq.55/103.790 - BCH/BĐQ
 - 2/- Đại-Ủy NGUYEN-VAN-LONG Sq.60/115.915 - BĐQ/QK.3
 - 3/- Đại-Ủy PHU-THO-LOC Sq.56/159.142 - BCH/BĐQ
 - 4/- Trung-Ủy HUYNH-VAN-TRANG Sq.62/113.650 - TĐ.51/BĐQ
- và 36 khóa-sinh có tên trong sau :

Đi từ SAIGON đến MALAI-A ghé SINGAPORE và trở về
To go

Ly-do : Học khóa "57 TÁC-CHIẾN TRONG-RỪNG" tại Malai-A

Purpose of travel

Tham-chiếu : PĐT so 1522/TTM/TCQH/DHHL/I ngày 23-02-1971

Reference

Phương-tiện chuyên chở : Phi cơ Quân-sự Hoa-Kỳ.

Means of Transportation

Thời gian công tác : từ 27-02-71 đến 18-04-71

Duration of mission

Ngày đi : 27-02-71

Date of departure

Phí khoản công vụ sẽ do () Ngân-Sách Quốc-Gia đài thọ

Expenses to be incurred in the accomplishment of the mission will be borne by

GHI - CHU : Trong thời gian xuất ngoại, các đương sự được hưởng phụ cấp đặc biệt mỗi ngày 05-Mỹ-Kim và giảm 1/4 kể từ ngày thứ 31 trở về sau.

Yêu cầu các nhà chức trách Quân-Dân-Chính dành mọi sự dễ dàng cho (các) đương sự để làm tròn nhiệm vụ do Chính-Phủ Việt-Nam giao phó.
Civilian and Military Authorities are requested to assist the above mentioned individual (s) in the accomplishment of the mission assigned by the Government of Vietnam.

NƠI - NHAN :

Saigon, ngày 26 tháng 02 năm 1971
Date

- Bộ Tổng Tham-Mưu/TCQH (1b)
- Bộ Ngoại giao (Nha PL-HC-VH-LS) (1b)
- "Trân trọng yêu cầu Quý Bộ cấp KBC 4.002, ngày 26 tháng 02 năm 1971 số thông hành cho các đương sự"
- Tòa Tổng Lãnh-Sự Việt-Nam (qua Tổng Cục Trưởng/TCQH Cộng-Hòa tại Singapore (phòng Đại-Tá ĐO-NGOC-NHAN
- Phòng TVQL cạnh Tòa Đại-Sứ Sưu-Tầm Tổng Cục Phó : TMTTCQH VNCH tại Malai-A (BQP n Đại-Tá NGUYEN-KHAC-TUAN
- Cục An-Ninh Quân-Đội (1b) Chánh Sự-Vụ Sở D.H.H.L.
- Phòng Đưa-Tầm/BQP (1b) Trung-Tá VO-VAN-BA
- Đại-Đội HQCV/6 (1b) Sĩ-Quan Phụ-Ta
- Hồ - sơ - Lưu.-



- 1/- Trung-Ủy LE-HOANG-LY Sq.61/125.081 - BQ/OK.1 (Trưởng toán)
- 2/- " LE-MINH-NHON : 63/203.236 - " "
- 3/- " NGO-VAN-DEAT " 67/203.785 - " "
- 4/- " LE-TAN-THUC " 66/107.708 - " "
- 5/- " TRAN-HUNG " 67/206.685 - " "
- 6/- " TA-MINH-TRUNG " 64/426.347 - " "
- 7/- Thieu-Ủy DUONG-THIET-THUAN " 67/206.878 - " "
- 8/- Chuan-Ủy NGUYEN-TIEU " 63/201.366 - " "
- 9/- " NGUYEN-NGOC-TAM " 70/210.592 - " "
- 10/- Trung-Ủy PHAN-THAI-BINH " 65/122.698 - BQ/OK.2
- 11/- Thieu-Ủy LE-TIEN-LAP " 67/408.834 - " "
- 12/- " HUYNH-HONG-CHAU " 67/804.378 - " "
- 13/- " NGUYEN-VAN-XUM " 67/804.788 - " "
- 14/- " NGUYEN-THUC-TIEN " 67/804.266 - BQ/OK.3
- 15/- Trung-Ủy TRAN-HUU-PHUOC " 62/112.201 - " "
- 16/- " NGUYEN-NGOC-TUNG " 64/157.682 - " "
- 17/- " CHIEM-THANH-HOANG " 61/106.223 - " "
- 18/- " NGUYEN-VAN-PHUONG " 69/137.715 - " "
- 19/- Chuan-Ủy KIEU-HUU-PHUOC " 69/149.659 - " "
- 20/- Trung-Ủy BUI-VAN-PHUNG " 61/101.174 - BQ/OK.4
- 21/- Thieu-Ủy TRAN-NGOC-PHU " 70/122.603 - " "
- 22/- " VO-VAN-KHUONG " 69/137.660 - " "
- 23/- Chuan-Ủy DO-VAN-TRINH " 63/153.910 - " "
- 24/- " DO-HOANG-HIEP " 68/004.477 - " "
- 25/- " HUYNH-VAN-BAC " 70/124.679 - " "
- 26/- " TRAN-HONG-KIEM " 71/107.439 - " "
- 27/- Trung-Ủy NGUYEN-KHOA " 64/207.718 - TTHL/BQ
- 28/- " LUU-VAN-THUNG " 62/415.537 - " "
- 29/- " NGUYEN-LUONG-HAO " 61/209.301 - " "
- 30/- " NGUYEN-TU-HAI " 63/110.552 - " "
- 31/- " NGUYEN-HUU-HUANG " 63/211.000 - " "
- 32/- Thieu-Ủy TO-CONG-TRUNG " 67/408.086 - " "
- 33/- " VAN-HUU-TRONG " 65/418.846 - " "
- 34/- " TRAN-THUC-BAO " 68/142.898 - " "
- 35/- " LAU-VEINH-HOI " 66/107.830 - " "
- 36/- " TRAN-T-HANH " 66/139.431 - " "

applicant

(41) (42) (43) (44) (45) (46) (47) (48) (49) (50) (51) (52) (53) (54) (55) (56) (57) (58) (59) (60) (61) (62) (63) (64) (65) (66) (67) (68) (69) (70) (71) (72) (73) (74) (75) (76) (77) (78) (79) (80) (81) (82) (83) (84) (85) (86) (87) (88) (89) (90) (91) (92) (93) (94) (95) (96) (97) (98) (99) (100)

VIET-NAM CONG-HOA
REPUBLIC OF VIETNAM
BO QUOC-Phong
MINISTRY OF DEFENSE
So : 0118/QP/TCTH/HC.1A/SVL
No

MISSION ORDER

Tong-Truong Quoc-Phong cho phép : BCH Si-Quan có tên sau :
The Secretary of State for National Defense authorizes

- 1/- Trung-Ta TRINH-VAN-DE sq.55/103.790, BCH/BDQ
2/- Dai-Uy NGUYEN-VAN-TRUNG sq.55/115.115, BDQ/CK.3
3/- Trung-Uy HUYNH-VAN-TRANG sq.55/113.650, TB.51.BDQ

va 36 khoc-sin co ter trang sau :

De di tu SAIGON den MALAI-A the STIGAPTE va tro ve
To go

Ly-do : Hoc khoa " 57 TAC CHIEN TRONG HUNG " tai Malai-A
Purpose of travel

Tham-chieu : PDT so 1522/TTH/TCQH/THH/1 ngay 23-2-71
Reference

Phuong tien chuyen cho : 212 ca quan-quy Hoa-ky
Means of Transportation

Thoi gian cong tac : tu 27-02-71 den 18-04-71
Duration of mission

Ngay di : 27-02-1971
Date of departure

Phi-khac cong vu se do () Nguan-sach Quoc-Gia dai tho
expenses of the mission will be borne by

CHI - CHU : - Trong thoi gian tuat ngoai, cac duong su duoc tuong phu cap
dai biet moi ngay 05 ly-kim va lam 1/4 ke tu ngay thu 31 tro
ve sau.

Yeu cau cac nha chuc trach Quan-Dan-Chinh danh moi su de dang cho (cac) duong
su de lam tron nhieu vu do Chinh-Phu Viet-Nam giao pho.
Civilian and Military Authorities are requested to assist the above mentioned
individual (s) in the accomplishment of the mission assigned by the Government
of Vietnam.

Saigon, ngay 26 thang 02 nam 1971
Date

An-ky : NGUYEN-VAN-VY

NOI - HUIAI :

- Bo Tong Tham-Mam/TCQH (1b)
- Bo Ngoai-Giao (Tha PL-HC-VH-LSQ (1b)
"Tran trong yeu cau quy Bo can so
thong hanh cho cac duong su."
- Toa Tong Dam-Su Viet-Nam (qua
Cong-Hoa tai Singapore (Thong
- Phong TVQL canh Toa Dai-Su (Suu-Tam
VNCH tai Malai-A
- Cuc An-Ninh Quan-Doi (1b)
- Phong Suu-Tam/BQP (1b)
- Dai-Doi HCQV/6 (1b)
- Ho - so - Luu.-

/ SAC Y BAN CHANH /

HC. 4.002, ngay 26 thang 02 nam 1971

TL. Thieu-Tuong PHAN-TRONG-CHINH
Tong Cuc-Truong/TCQH
Dai-Ta DO-NGOC-NHAN
Tong Cuc-Pho + TMT/TCQH
Dai-Ta NGUYEN-KHAC-TUAN
Chanh Su Vu So D.H.H.L."



1/-	Trung-Uy	LE-HOANG-LY	sq.61/125.081,	BDQ/QK.1 (Truong Toan)
2/-	"	LE-MINH-MIEN	sq.63/203.236,	"
3/-	"	NGO-VAN-PHAT	sq.67/203.785,	"
4/-	"	LE-TAN-DUC	sq.66/107.708,	"
5/-	"	TRAN-HUNG	sq.67/206.685,	"
6/-	"	TA-MINH-TRUNG	sq.64/226.347,	"
7/-	Thieu-Uy	DUONG-THIET	sq.67/206.878,	"
8/-	Chuan-Uy	NGUYEN-TIEU	sq.63/201.366,	"
9/-	"	NGUYEN-NGOC-TAM	sq.70/210.592,	"
10/-	Trung-Uy	PHAN-THAI-BINH	sq.65/122.698,	BDQ/QK.2
11/-	Thieu-Uy	LE-TIEN-LAP	sq.67/408.834,	"
12/-	"	HUYEN-HONG-CHAU	sq.67/201.378,	"
13/-	"	NGUYEN-VAN-XUM	sq.67/201.788,	"
14/-	"	NGUYEN-DUC-TIEN	sq.67/201.266,	BDQ/QK.3
15/-	Trung-Uy	TRAN-HUU-PHUOC	sq.62/112.201,	"
16/-	"	NGUYEN-NGOC-TUNG	sq.64/157.682,	"
17/-	"	CHIEM-THANH-HOANG	sq.61/106.223,	"
18/-	"	NGUYEN-VAN-PHUONG	sq.69/137.715,	"
19/-	Chuan-Uy	KIEU-HUU-PHUOC	sq.69/149.659,	"
20/-	Trung-Uy	BUI-VAN-PHUNG	sq.61/101.174,	BDQ/QK.4
21/-	Thieu-Uy	TRAN-NGOC-PHU	sq.70/122.603,	"
22/-	"	VO-VAN-KHUONG	sq.69/137.660,	"
23/-	Chuan-Uy	DO-VAN-TINH	sq.63/153.910,	"
24/-	"	DO-HOANG-THIEP	sq.68/104.477,	"
25/-	"	HUYEN-VAN-BAC	sq.70/124.679,	"
26/-	"	TRAN-HONG-KIEM	sq.71/197.439,	"
27/-	Trung-Uy	NGUYEN-KHICA	sq.64/207.712,	TTHL/BDQ
28/-	"	LUU-VAN-THUNG	sq.62/415.537,	"
29/-	"	NGUYEN-LUONG-HAO	sq.61/209.301,	"
30/-	"	NGUYEN-TU-HAI	sq.63/110.552,	"
31/-	"	NGUYEN-HUU-HUAN	sq.63/211.000,	"
32/-	Thieu-Uy	TO-CONG-THUNG	sq.67/408.086,	"
33/-	"	VAN-HUU-TRONG	sq.65/418.946,	"
34/-	"	TRAN-DUC-BAC	sq.68/142.898,	"
35/-	"	LAU-VINH-HOI	sq.66/107.830,	"
36/-	"	TRAN-THANH	sq.66/139.431,	"

CỘNG HÒA VIỆT NAM
TỐI CAO - PHÁP VIÊN
Toà BIÊN HOÀ

(1) Ngày 04.4.1957
Giấy thể vi KHAI SANH
cho NGUYỄN ĐỨC TIẾN
(1) số 408

TRÍCH LỤC VĂN KIẾN THỂ VI HỘ TỊCH LƯU TRỮ TẠI PHÒNG
LỤC SỰ TOÀ: Sơ thẩm Biên hoà

1)



Nội bản chánh giấy thể vi: KHAI SANH
Cấp cho: NGUYỄN ĐỨC TIẾN
do Đ. Đặng Hữu Thy chánh án Toà Biên hoà
với tư cách thẩm phán Hoà giải cấp ngày: 04.4.1957
và đã trước bạ:

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

/(/hững nhân chứng này sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị
Định này 17.11.1947 của Thủ-tướng Chánh-phủ Lâm thời Nam phần
Việt nam và điều 363 và kế tiếp hình luật Canh cải sửa đổi bởi
Sắc-lệnh ngày 31.12.1912 và sau khi tuyên thệ quả quyết và biết
chắc rằng :

- NGUYỄN ĐỨC TIẾN sanh ngày hai mươi tám tháng tám năm một-
ngàn chín trăm bốn mươi bảy (28.8.1947) tại làng Phong lộc -
Tỉnh Nam-Định và là con của NGUYỄN VĂN TRIỆU và VỢ THI CÚC.

TRÍCH LỤC Y THEO BẢN CHÍNH

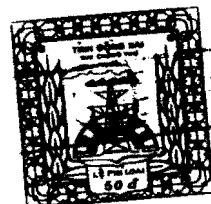
BIÊN HOÀ ngày 10 tháng 11 năm 1972

chánh lục-sự
(đã ký)

Lệ phí : 15 đ

(1) lập lại số ngày tháng
và năm trên đây mỗi khi xin
trích lục • BL: 9936 •

8.5.81



(CỘNG HÒA VIỆT NAM)
TỐI CAO - PHÁP VIÊN
Toà BIÊN HOÀ

(1) Ngày 04.11.1957
Giấy thể vi KH. I PHN
cho NGUYỄN ĐỨC TIẾN
(1) số 400

TRÍCH LỤC VĂN KIỆN THỂ VI HỘ TỊCH LƯU TRỮ TẠI PHÒNG
LỤC SỰ TOÀ: Sr thẩm Biên hoà

1/2



Một bản chính giấy thể vi: KH. I SANH
Cấp cho: NGUYỄN ĐỨC TIẾN
do Ông Đặng Hữu Thy Chánh án Toà Biên hoà
với tư cách thẩm phán Hoà giải cấp ngày: 04.11.1957
và đã trước bạ:

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

(C) hững nhân chứng này sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị
Định ngày 17.11.1947 của Thủ-tướng Chính-phủ Lâm thời Nam phần
Việt nam và điều 363 và kế tiếp hình luật Cảnh cai sửa đổi bởi
Sắc-lệnh ngày 31.12.1912 và sau khi tuyên thệ quả quyết và biết
chắc rằng :

- NGUYỄN ĐỨC TIẾN sinh ngày hai mươi tám tháng tám năm một-
ngàn chín trăm bốn mươi bảy (28.8.1947) tại làng Phong lộc -
Tỉnh Nam-Bịnh và là con của NGUYỄN VĂN TRIỀU và VỢ THI CÚC.

TRÍCH LỤC Y THEO BẢN CHÍNH

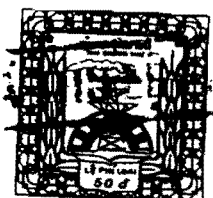
BIÊN HOÀ ngày 11 tháng 11 năm 1972

chánh lục-sự
(đã ký)

Lệ phí : 15 đ

(1) lập lại số này tháng
và năm trên đây mỗi khi xin
trích lục • BL: 9936 •

[Handwritten signature]



(/IET NAM CÔNG HOA

tỉnh Biên Hoà

Quận: Đức-tu

Xã: Tam hiệp

Số hiệu: 19

(RICH-LUC CHUNG-THU HÔN-THU

Lập ngày 27 tháng 02 năm 1973.

/)_

: - Tên họ chồng : NGUYỄN ĐỨC TIẾN :
:
: - Ngày và nơi sanh : 28.08.1947 Phong Lộc - Nam Định :
:
: - Tên họ cha chồng : NGUYỄN VĂN TRIỀU 56 tuổi sống :
:
: - Tên họ mẹ chồng : VÕ THI CÚC 56 tuổi sống :
:
: - Tên họ vợ : ĐẶNG THI BÉ :
: - Ngày và nơi sanh : 11.02.1952 Hành thiện, Bù-chu :
:
: - Tên họ cha vợ : ĐẶNG NGỌC CỐN 46 tuổi sống :
:
: - Tên họ mẹ vợ : PHAN THI MÍT 46 tuổi sống :
:
: - Ngày lập hôn thú : hai mươi bảy tháng hai dī năm một ngàn :
:
: chín trăm bảy mươi ba :
:
: - Có lập hôn khế không // :
:

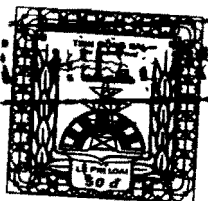
(RICH LUC Y BAN CHANH NDI 1973

TAM HIỆP, ngày 20 tháng 02 năm 1973

xã-trưởng / Hộ tịch

(đã ký) PHẠM ĐÌNH CÁN

//(HỒI THI THƯC



CỘNG HÒA VIỆT NAM

tỉnh Biên Hòa

Quận: Đức-tu

Xã: Tam hiệp

Số hiệu: 19

C RICH-LUC CHUNG-THU HÔN-THÚ

Lập ngày 27 tháng 02 năm 1973

1)_

: - Tên họ chồng : NGUYỄN ĐỨC TIẾN :
: :
: - Ngày và nơi sanh : 28.08.1947 Phong Lộc - Nam Định :
: :
: - Tên họ cha chồng : NGUYỄN VĂN TRIỆU 56 tuổi sống :
: - Tên họ mẹ chồng : VÕ THI CÚC 56 tuổi sống :
: :
: - Tên họ vợ : ĐẶNG THI BÉ :
: - Ngày và nơi sanh : 11.02.1952 Hành thiện, Bù-chu :
: :
: - Tên họ cha vợ : ĐẶNG NGỌC DŨN 46 tuổi sống :
: - Tên họ mẹ vợ : PHAN THI MÍT 46 tuổi sống :
: :
: - Ngày lập hôn thú : hai mươi bảy tháng hai di năm một ngàn :
: chín trăm bảy mươi ba :
: :
: - Có lập hôn khế không // :
: -----

C RICH LUC Y BAN CHANH NAM 1973

TAM HIỆP, ngày 20 tháng 02 năm 1973

xã-trưởng / Hộ tịch

(đã ký) PHẠM ĐÌNH CÁN

//(HỘI THI THỰC



1/3 Đ TỰ PHÁP
SỞ TƯ PHÁP BẮC VIỆT
Ngày 1.1.1955
Giấy chứng chỉ thay
giấy khai sinh
của ĐẶNG THI BẾ

QUỐC GIA VIỆT NAM

TÒA ÁN SƠ THẨM HẢI PHÒNG

1)_

(1) TAY (1)-(1)-(1)-(1)



1) Đ thay g ay khai sinh của ĐẶNG THI BẾ

1/Quê ở: ĐẶNG NGỌC ĐƠN, thẻ căn cước số 01775/BC
Cấp tại Bùi Chu ngày 27.1.1953

1)_

1/Am một nghìn chín trăm năm mươi hai và ngày mùng tám
tháng mười hai năm chín mươi hai :

Trước mặt tôi LÊ KIẾP HY, chánh án tòa sơ thẩm Hải Phòng,
có Ông Hoàng Quý Bình, lục sự phụ tá :

Có những nhân chứng sau này, theo lời yêu cầu của Ông bà -
ĐẶNG NGỌC ĐƠN, đã đến trình diện :

1)- Phạm Hữu, 59 tuổi, thẻ căn cước số: 11.04507 cấp tại
Hải Phòng ngày 1.1.1954 ở số 10 Quai Foch, Hải Phòng.

2)- Đặng Thị Côi, 70 tuổi, thẻ căn cước số: 07506 cấp tại
Hải Phòng ngày 1.1.1954 ở số 10 Quai Foch, Hải Phòng.

3)- Đỗ Thị Qua, 27 tuổi, thẻ căn cước số: 02942 cấp tại
Hồng Kỳ ngày 11.3.1953 ở số phố Graxvi Rochoz Hải Phòng.

Các nhân chứng trên này đều nhận rằng rất quen Ông bà -
ĐẶNG NGỌC ĐƠN ở 163 A Bonnal Hải Phòng, hiện có mặt tại
đây.

Các nhân chứng nói trên, sau khi nghe đọc điều 21 dân luật
Bắc Việt phạt những kẻ làm chứng man có thể tội ba tháng phạt
giam.

Đều khai nhận biết rõ rằng :

ĐẶNG THI BẾ, con gái đã sinh ngày mùng một tháng hai năm
một nghìn chín trăm năm mươi hai (11.2.1952)
tại làng Hành thiện, tổng hành thiện, huyện Xuân trường, Bùi Chu



Bố là ĐẶNG NGỌC CỐN và mẹ là PHẠM THỊ MÍT, vợ cả.

Hiện nay ông bà Đặng Ngọc Cốn không thể xuất trình được giấy khai sinh của Đặng thị Bé vì chén tranh mà không giao - thông được vì số cái đã bị thất lạc vì lúc bấy giờ chưa lập sổ hộ tịch.

Các người làm chứng đã nhận thực các điều nói trên thành thực và chính xác. Tôi phát chứng chỉ này theo các điều số 46 và 47 Dân luật Bắc Việt để thay thế giấy khai sinh cho Đặng thị Bé để tùy nghi tiện dụng.

Sau khi đã đọc lại, người đứng xin các người làm chứng kể trên và ông lục-sự cùng ký với tôi ở dưới đây ngày, tháng, năm kể trên.

CHÂN AN

ký tên: LÊ H. X. HY

LỤC SỰ

ký tên: NGUYỄN QUÝ BÌNH

BÊN LÊ CỐ GHỊ

Trước họ tại phòng nhì HẢI PHÒNG

Ngày 12 tháng 1 năm 1955.

Quyển A.J.V.N 3 từ 33 số 1972.

Thu: 60 đ.

Chủ sự ký tên

QUY NH H

S. D. Y. B. N. D. N. H.

Hải phòng, ngày 13 tháng 1, 1955.

chánh lục sự

(ký tên và đóng dấu)

CHUNG Y BẮN CHÁNH CỐ
trình ngày nă.

TÂN BÌNH, ngày 14.4.60

Quận-trưởng

(đã ký) Đại úy Đ. DUY PHAI

CỦA VÀNG THỊ BÉ

11.

MAY () - () - () - () - ()



Ước lượng xin : HỌ TÊN NGƯỜI ĐÓNG *thẻ căn cước số 01775/BC
Cấp tại Bùi Chu ngày 27.1.1953 *

13.

Trước mặt tôi LÊ VĂN HY, chánh án tòa sơ thẩm Huế, phòng
toà Hiến pháp Bình-lực sự phụ-tá :

Có những nhân chứng sau này, theo lời yêu cầu của ông, bà-
DANG N. S. ĐON, đã đến trình diện :

L)- Ông-Hà 59 tuổi, thẻ căn cước số: A.04507 cấp tại Hải phòng ngày 11-1-1954 & số 10 Quai 5, chi Hải phòng.

2)- Đặng thị Cối, 71 tuổi, th' căn cước số: 07506 cấp tại
Hải Phòng ngày 7-1-1954, ở số 17 Quai Thới, Hải Phòng.

3)- Số thí nghiệm 27 tuổi, thể căn cước số: 02972 cấp tại:
Hàn Uy ngày 11.3.1953, số 1 phố Braxyl Rochoz Hải Phòng.

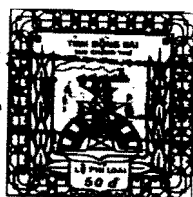
Các nhân chứng trên đây đều nhận rằng rút ra n ông bà -
 NGUYỄN VĂN C. SỐN n y & 163 A. Bonnal Hấp phàn nh hiện có mặt tại -
 đây .

Các nhân chứng nói trên sau khi nghe đọc điều XI dân luật Bắc Việt phạt những kẻ làm chứng man có thể tội ba tháng phạt giam.

đều khai nhận biết rõ rằng :

ĐẶNG THI BẾ: con gái nữ sinh ngày mười một tháng hai năm một nghìn chín trăm năm mươi hai (II.2.1952).

tại lòng Hình thiên, tổng hành thiên, huyện Xuân t. vùng Búi chu



Bố là ĐANG NGOC CỐN và mẹ là PHAN THI MÍT vợ cả .

Hiện nay ông bà ĐANG NGOC CỐN không thể xuất trình được giấy khai sinh của Đặng thị Bé vì chến tranh mà không giao - thông được vì số cái đã bị thất lạc vì lúc bấy giờ chưa lập - sổ hộ tịch .

Các người làm chứng đã nhận thực các điều nói trên thành thực và chính xác. Tôi phát chứng chỉ này theo các điều số 46 và 47 Dân luật Bắc Việt để thay thế giấy khai sinh cho Đặng - thị Bé để tùy nghi tiện dụng .

Sau khi đã đọc lại người đến xin các người làm chứng - về trên và tình lý-sự của ký với tôi ở dưới đây này tháng - năm kể trên .

CHỨNG AN

ký tên: LÊ KIỆC HY

LƯU SỰ

ký tên: NGUYỄN QUÝ BÌNH

BẢN LỆ ĐỒ GHI

Trước bạ tại phòng nhì HẢI PHÒNG

Ngày 12 tháng 1 năm 1955 .

Quyển A.B.V.N 3 từ 33 số 1972 .

Thu: 60 đ

Chủ sự ký tên

NGUYỄN H

SỞ Y BAN C. INH

Hải phòng, ngày 13 tháng 1 . 1955 .

chánh lý sự

(ký tên và đóng dấu)

CHUNG Y BAN CHÁNH CỐ
trình ngày nay .

TÂN BÌNH ngày 17-1-60

Trưởng

(đã ký) Đại úy ĐỖ DUY PHAT

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 00528140

Họ Tên Đặng-Thị-Mệ

Ngày, nơi sinh 11.2.1952
Hành-Thiện, Bình-Dương

Cha Đặng-ngọc-Côn

Mẹ Phan-thị-Mệ

Địa chỉ 49/1, xã Tam-thiếp BH.



ĐẠI BÀNG CHINH
S. I 78 89
[Handwritten signature]

88

Đầu vết riết:		Cao 1 th 51
Chạm sọc cách 1 sau trên đuôi may trái.		Nặng 37 Kg
Chữ ký đương sự: <i>[Signature]</i>		<i>[Fingerprints]</i>
Đan-hoà, ngày 01.3.1969		
Trưởng-Ty CSQG.		
Đại-Ủy ĐỖ-DÌNH-LÂN		



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 00588160

Họ Tên DƯƠNG-THỊ-BE

Ngày, nơi sinh 11.2.1952
Hành-Thiện, Bù-Chi

Cha Dương-ngọc-Côn

Mẹ Phan-thị-Mật

Địa chỉ 49/1, xã Tân-Điền BH.



8 5 81
5 81
Handwritten signature and scribbles



2/28
Chăm sóc cách 1 sau trên
đuôi máy trái.

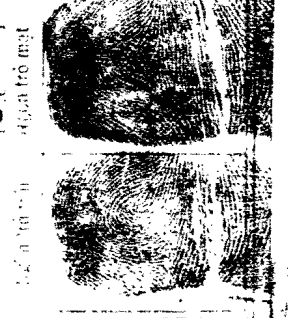
Chữ ký dưỡng sự:

Điên-hoà, ngày 01.3. 19.69

Trương-Ty CSQG.

Đại-Úy ĐỖ-DÌNH-LÂN

Cân 1 th 51
Nặng: 37 Kg



(/IET NAM CÔNG HOA

(RICH - LUC BỐ KHAI - SANH

TỈNH BIÊN HOA

Quận: ĐỨC TU

Lập ngày 6 tháng 6 năm 1973 •

Xã: Bình-trước

Số hiệu: 2469

/)_



-
- : - Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN THI ĐOAN TRANG :
 - : - Con trai hay con gái: nữ :
 - : - Ngày sanh : Bốn tháng sáu dương lịch một ngàn chín trăm :
bảy mươi ba •
 - : - Nơi sanh : Bảo sanh Sơn cao Biên hoà :
 - : - Tên họ người cha : NGUYỄN ĐỨC TIẾN :
 - : - Tên họ người mẹ : ĐẶNG THI BÉ :
 - : - Vợ chánh hay không :
 - : có hôn thú : chánh
 - : - Tên họ người đứng khai: ĐẶNG NGỌC BÓN :
 - : ----- :

(RICH LUC Y BẢN CHÍNH

Bình-trước, ngày 11 tháng 6 năm 1973 •

TC-VT SỐ 4368 BNV/HC 29.

ngày 3-8-1970 •

/C/(IÊN THI THỰC

viên chức hộ tịch

(đã ký) NGUYỄN VĂN LỊCH

S 1

TAM

06

15/8/73

TING



PH

Wong

(CỘNG HÒA VIỆT NAM)

(RICHI - LUC BÔ KHAI - SANH)

TỈNH BIÊN HOÀ

Huyện: BƯỚC TỬ

Lập ngày 6 tháng 6 năm 1973

Xã: Bình-trước

Số hiệu: 2463

1)_



- Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN THỊ ĐOÀN TRANG
- Con trai hay con gái: nữ
- Ngày sinh : Bốn tháng sáu dương lịch một ngàn chín trăm bảy mươi ba
- Nơi sinh : Bảo sanh Sơn cao Biên hoà
- Tên họ người cha : NGUYỄN ĐỨC TIẾN
- Tên họ người mẹ : ĐẶNG THỊ BÉ
- Vợ chánh hay không có hôn thú : chánh
- Tên họ người đứng khai: ĐẶNG NGỌC SƠN

(RICHI LUC Y BỊN CHÁNH)

Bình-trước ngày 10 tháng 6 năm 1973

TC-VT SỐ 436L BNV/HC 29

ngày 3-1-1970

/C/CIÊN THI THỰC

viên chức hộ tịch

(đã ký) NGUYỄN VĂN LỊCH



SANH

TAM

PHI

Handwritten signature

(/ IET NAM CÔNG HOÀ
TỈNH BIÊN HOÀ
Quận Đức-Tu

C RICH-LUC BỐ KHAI-SANH

Lập ngày 30 tháng 12 năm 1974

Xã Phát-triển Bình trước

Số hiệu : 54 10

1)_



- Tên họ đứa trẻ: NGUYỄN THỊ QUẾ CHÂU
- Con trai hay con gái: nữ
- Ngày sinh : Hai mươi tám tháng mười hai dương
: lịch một ngàn chín trăm bảy mươi
: bốn
- Nơi sinh : Bảo sanh Phước lộc Biên hoà
- Tên họ người cha : NGUYỄN ĐỨC TIẾN
- Tên họ người mẹ : ĐẶNG THỊ BÉ
- vợ chánh hay không : chánh
: có hôn thú
- Tên họ người đứng khai : NGUYỄN ĐỨC TUYỀN

TC-VT số 436/BNV/HC 29
ngày 30/12/1970
K/C IẾN THI THỰC

C RICH LUC Y BÀN CHANH
Bình-trước, ngày 03 tháng 12 năm 1975
Ủy-viên họ tịch
(đã ký) PHẠM VĂN THẠNH



S
TAM
H
5/12/89

PH

Mon

(/ IET NAM CÔNG HOA
TỈNH BIÊN HOA
Quận Đức-Tu

(RICH-LUC BỒ KHAI-SANH

Lập ngày 30 tháng 12 năm 1974

Xã Phát-triển Bình trước
Số hiệu : 54 IO

/)_



: - Tên họ đứa trẻ: NGUYỄN THỊ QUẾ CHÂU :
: - Con trai hay con gái: nữ :
: - Ngày sanh : Hai mươi tám tháng mười hai dương :
: : lịch một ngàn chín trăm bảy mươi :
: : bốn . :
: - Nơi sanh : Bảo sanh Phước lộc Biên hoà :
: - Tên họ người cha : NGUYỄN ĐỨC TIẾN :
: - Tên họ người mẹ : ĐẶNG THỊ BÉ :
: - vợ chánh hay không : chánh :
: : có hôn thú . :
: - Tên họ người đứng khai NGUYỄN ĐỨC TUYỀN :
: :
: -----

: TC-VT Số 4368 BNV/HC 29 :
: ngày 3.8.1970 :
: /C/C IEN THI THUC :
: -----

(RICH LUC Y BAN CHANH

Bình-trước, ngày 03 tháng 12 năm 1975.

Ủy-viên họ tịch

(đã ký) PHẠM VĂN THANH



SAC
TAP
PH

TIE

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường **TAM HIỆP**
Huyện, Quận **BIÊN HOÀ**
ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT
Số **3992**
Quyển **2**



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên **NGUYỄN THI THUỶ TIỀN** Nam hay nữ **nữ**
Ngày tháng, năm sinh **03.07.1985** (**mùng ba tháng bảy năm một ngàn chín trăm tám lăm**)
Nơi sinh **Biên hoà**
Dân tộc **kinh** Quốc tịch **Việt nam**

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	Đặng thị Bé	Nguyễn đức Tiến
Tuổi	1952	1947
Dân tộc	kinh	kinh
Quốc tịch	Việt nam	Việt nam
Nghề nghiệp	thợ uốn tóc	làm rẫy
Nơi thường trú	52B/23 khóm 1 Tam hiệp Biên hoà, Đồng nai	52B/23 khóm 1 Tam hiệp Biên hoà, Đồng nai

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Đặng thị Bé 1952 - 52B/23 KI Tam hiệp Biên hoà
CMND SỐ 27008924I

Người đứng khai ký

Đã ký ngày **13** tháng **12** năm **85**

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
(đã ký) **NGUYỄN DUY TRUYỀN**

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **08** tháng **05** năm **89**

T/M UBND KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU



Norm

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường TAM HIỆP
Huyện, Quận BIÊN HOÀ
ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT
Số 3992
Quyền 2



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THỊ TÌNH TIÊN Nam hay nữ nữ
Ngày, tháng, năm sinh 03.07.1985 (mùng ba tháng bảy năm một
ngàn chín trăm tám lăm)
Nơi sinh Biên hoà
Dân tộc kinh Quốc tịch Việt nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Đặng thị Bé</u>	<u>Nguyễn tức Tiến</u>
Tuổi	<u>1952</u>	<u>1947</u>
Dân tộc	<u>kinh</u>	<u>kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt nam</u>	<u>Việt nam</u>
Nghề nghiệp	<u>thợ uốn tóc</u>	<u>làm rẫy</u>
Nơi thường trú	<u>52B/23 Khóm 1 Tam hiệp Biên hoà, Đồng nai</u>	<u>52B/23 Khóm 1 Tam hiệp Biên hoà, Đồng nai</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Đặng thị Bé 1952 - 52B/23 KI Tam hiệp Biên hoà
CMND SỐ 270089241

Người đứng khai ký

Đã ký ngày 13 tháng 12 năm 19 85

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
(đã ký) NGUYỄN DUY TRIỂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 08 tháng 05 năm 89
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU



Ph

Handwritten signature

AN

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xa, phường **TAM HIỆP**
Huyện, Quận **BIÊN HOA**
ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP-HT
Số **370**
Quyển **1**



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên **NGUYỄN ĐẶNG THI THANH XUÂN** Nam hay nữ **nữ**
Ngày, tháng, năm sinh **12.3.1982** (**mười hai tháng ba tám hai**)

Nơi sinh **Mình Đức Biên hoà**
Dân tộc **kinh** Quốc tịch **Việt nam**

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	Đặng thị Bé	Nguyễn Đức Tiến
Tuổi	1952	1947
Dân tộc	kinh	kinh
Quốc tịch	Việt nam	Việt nam
Nghề nghiệp	nội trợ	làm rẫy
Nơi thường trú	52B/23 khóm 1	52B/23 khóm 1

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn Đức Tiến

Đã ký ngày **19** tháng **03** năm 19**82**
Người đứng khai ký
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
(**tá ký**) **NGUYỄN THI HUỆ**

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **09** tháng **05** năm **89**
CH. Ủ. B. N. D. KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU



PH
[Signature]
76

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã. phường **TẠP HIẾP**
Huyện, Quận **BIÊN HOÀ**
DŨNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT
Số **370**
Quyển **1**



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)



Họ và tên **NGUYỄN DẠNG THI THANH XUÂN** Nam hay nữ **nữ**
Ngày, tháng, năm sinh **12.3.1982** (**mười hai tháng ba tám hai**)

Nơi sinh **Mình Đức Biên hoà**
Dân tộc **kinh** Quốc tịch **Việt nam**

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	Đặng thị Bế	Nguyễn Đức Tiến
Tuổi	1952	1947
Dân tộc	kinh	kinh
Quốc tịch	Việt nam	Việt nam
Nghề nghiệp	nội trợ	làm rẫy
Nơi thường trú	52B/23 khóm 1	52B/23 khóm 1

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn Đức Tiến

Người đứng khai ký
Đã ký ngày **19** tháng **03** năm 19 **82**
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
(**tá ký**) **NGUYỄN THI HUY**

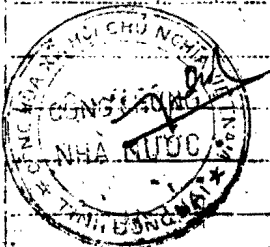
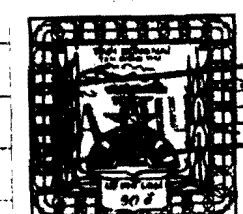
CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **08** tháng **05** năm **89**
T.M. ỦY BAN D. KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU



PHÓ
TRƯỞNG
ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TẠP HIẾP
HUYỆN BIÊN HOÀ
TP. HỒ CHÍ MINH

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
01	Đặng Thị Bé	11-2-59	nữ	Chủ Hộ		27008224	15-10-76		
02	Nguyễn Thị Sửu	19-10	nữ	Bác		270082057	15-10-76		
03	Nguyễn Thị Loan Trang	6-6-73	nữ	Con			15-10-76		
04	Nguyễn Thị Quê	30-12-74	nữ	Con			15-10-76		
5	Nguyễn Văn Thị Thanh Xuân	12-03-58	nữ	Con			12-03-58		
06	Nguyễn Thị Huệ	11-10	nữ	Con			14-10-76		
SAC Y BẢN CHÍNH		QUÂN LSS		01					
BIÊN HÒA Ngày 13/10/1988		LƯU TRỮ SỔ		54					
CÔNG CHỨNG VIỆN		SỐ TỰ TỰ		57					
		THUẾ PHÍ		50kg					
									
Phạm Công Đức									

Chuyến đầu.....	Chuyến đến.....
Từ ngày.....tháng.....năm..... Ký tên đóng dấu	Từ ngày.....tháng.....năm..... Ký tên đóng dấu
Chuyến đầu.....	Chuyến đến.....
Từ ngày.....tháng.....năm.....	Từ ngày.....tháng.....năm.....
NHỮNG TRAY ĐỒI KHÁC	

MAU SỐ NK 4

DẤU KIỂM TRA

GIẤY CHỨNG NHẬN

BẢNG KÝ NHẬN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: AC 48K/798K

Họ và Tên chủ hộ: Đoàn Thị Bè

Số nhà: 52 P/23 Ngõ (hẻm): Albani 1

Đường phố: Đ. 11 Quận CAND Cam Lộ

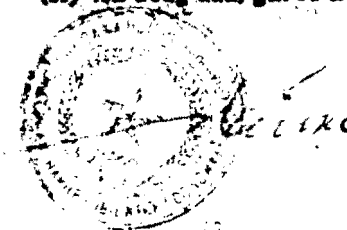
Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Bến Tre

Tỉnh, thành phố: Đồng Nai

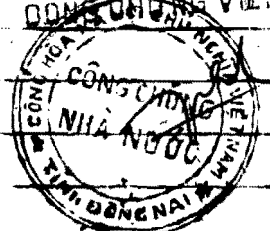
Ngày 15 tháng 7 năm 1988

Trưởng Công An

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



NHÂN NHẪU THƯỜNG TRÚ TRONG BỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Năm Nô	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	Dương Thị Bé	11.2.52	Thị	Con bà		270085241	15.10.76		
2	Nguyễn Thị Lân	1910	Thị	Bà		27-089057	15.10.76		
3	Nguyễn Thị Tâm (Cương)	16.7.77	Thị	Con			15.10.76		
4	Nguyễn Thị Quê Châu	20.12.77	Thị	Con			15.10.76		
5	Nguyễn Thị Thanh								
	Trần	12.3.82	Thị	Con			19.3.82		
6	Nguyễn Thị Song	05/12/83	Nữ	Con			19/10/88		
7	Nguyễn Thị Tâm	1948	Nữ	Con			19/10/83		
SAO Y BẢN CHÍNH		QUYỀN SỔ	01						
		QUYỀN SỔ	50						
BIÊN HÓA NGÀY 22.1.1988		SỐ THỦ TỤC	16						
DANH CHỨC VIÊN		THU LỆ PHÍ	1000						
									
Phạm Hồng Lân									

Chuyển đến	Chuyển đến
Từ ngày tháng năm Ký tên Công dân	Từ ngày tháng năm Ký tên Công dân
Chuyển đến	Chuyển đến
Từ ngày tháng năm	Từ ngày tháng năm
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

MÀU SÓ NK 4

DẤU KIỂM TRA

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ: AC 40K/17.98K

Họ và Tên chủ hộ: Đặng Thị Bè

Số nhà: 52/23 Ngõ (hẻm): Khóm 1

Đường phố: Đ. 11 Đơn CAND Cam Lộ

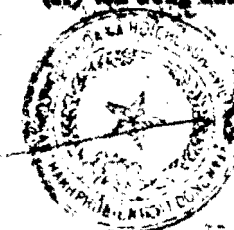
Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Biên Hòa

Tỉnh, thành phố: Đông Nai

Ngày 15 tháng 7 năm 1988

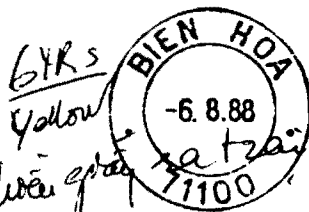
Trưởng Công An

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



(Signature)

FROM Ng. Tré Tiên
528/23 KI Tām lōp
Biên Hòa Đồng Nai
VIỆT NAM



207
5580



MỖI CẶP VỢ CHỒNG
CÓ 1 HOẶC 2 CON!



TO BÃ HẢI TRƯỜNG
P.O. Box 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635



U.S.A

Biên Hòa ngày 06/08/1988.

Kính gửi: Bà Hội Trưởng,

Hội gia đình tù nhân chính trị Việt Nam

Thưa bà -

Tôi tên: Nguyễn Đức Đức sinh năm 1947 tại Nam Định

Cấp bậc: Trung úy, chức vụ: Đại đội trưởng

Số quân: 6T/804206

Nhiệm vụ phụ tại xã nhà 52B/23 Khu I Tân Hiệp Biên Hòa VN

Trên trong thời gian bị trợ giúp của bà hội trưởng, và quý hội
trong trường hợp của tôi như sau:

Tôi nhập ngũ ngày 15/7/1968 cho 6/68 của Đức

Ra trường chuyển về binh chủng Lực lượng đặc biệt Việt Nam - gia các chức
vụ: Sĩ quan phụ tá hánh quân - phó toàn Lực lượng đặc biệt Việt Nam tại
Chiến trường Tây Ninh

Sau đó các toàn lực lượng đặc biệt các huyện - thành lực lượng đặc biệt đồng quân
biên, phòng - tôi đã lần lượt gia các chức vụ Trưởng ban 3 Tiểu đoàn và
cuối cùng là Đại đội trưởng Đại đội 2 Tiểu đoàn 32 BDA Huân Lữ đoàn 7

Sau 30-4-1975 bị tập trung cải tạo qua các trại: Phú Lợi - Hố Núi
Katum - Mũi Mũi - Tổng lý đoàn đến ngày 22-4-1981 được thả ra, quản
chế tại địa phương 12 tháng - đến tháng 10/81 tôi xuống Rạch Giá với ý định
vượt biên nhưng bị bắt - bị giam giữ tại 11 ngục đến cuối năm 1982

được trả tự do - Trong thời gian bị giam giữ tại Rạch Giá Kiên Giang - vì
sự nổi loạn có lời cho bản thân tôi, tôi đã mang lý lịch khác với lý lịch của
mình trong suốt thời gian giam giữ - điều này là tôi được trả tự do nên
sợ được bắt lại là Công An địa phương (Tân Hiệp Biên Hòa) để theo dõi bắt
giữ tôi vì vậy tôi phải trốn tránh trong suốt 3 năm trời. Cuối cùng đến
tháng 10/87 tôi đã ra trình diện địa phương - sau 20 ngày điều tra, Công
An địa phương là Công An thành phố Biên Hòa đã cho về - quản chế 18 tháng
học tập tại địa phương - đến tháng 3/87 có kết quả xét tôi được trả quyền
công dân.

Thưa bà Hội trưởng và quý hội.

Trường hợp của tôi, tôi đã có gì đơn thuần nguyên ODP với đầy đủ hồ sơ
đầu tư kế - thông qua người các ruột là ông:

Vũ - Cao - TỰ AN.

Đã chỉ:

Hồ sơ gửi đi từ Việt Nam từ tháng 10 năm 1987.

Nhưng từ đó đến giờ gần 1 năm qua mà chưa thấy được GDP trả lại
Tôi đã gửi lần thứ hai qua Tổng cục Việt Nam tại Hà Nội - cũng nay
1 tháng và đang chờ đợi trả lại.

Chỉ cần hai hồ sơ trước và quý hội theo dõi kết quả hồ sơ của tôi.
Chỉ cần thứ hai:

Chỉ cần hai hồ sơ trước và quý hội các mình giúp tôi việc sau.
Trước đây có vấn đề trước của tôi vào năm 1969 tại trại tù lịch sử đặc biệt
Thiên nhiên Tây Ninh là Đại úy MC CLAIN (US Special Forces 5th group VN
B 32 US SF Tây Ninh)

Nay tôi được nghe nói ông MC CLAIN là cán bộ cũ. Nếu quả nhiên
tên trên là đúng - thì chỉ cần các các mình lại - quý hội liên lạc giúp tôi
lý do vì những tình cảnh rất khó khăn trong điều kiện và trong thời gian
đó chúng tôi đại đơn vị hy vọng có thể giúp ích được cho tôi. (Hiện
nay tôi vẫn còn kinh nghiệm giúp đỡ các bạn khác)

Qua phần trình bày của tôi ở trên, nếu còn bỏ hức thêm điều gì
thì xin các liên lạc với: Vũ - CAO TUYÊN

(Tại Hoa Kỳ)

Địa chỉ liên lạc ở Việt Nam:

NGUYỄN - ĐỨC - TIẾN

52B/23 KI Tân Hiệp Biên Hòa

Đồng Nai Việt Nam

Đôi mong những tình cảm của tôi sẽ được báo lại trước

và quý hội vui lòng giúp đỡ;

Xin Trân trọng cảm tạ.

Kính



Nguyễn Đức Tiến